

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B1LX** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH004026** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Cây trồng 1 - 2**
Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2256201162873	Lê Thị Kim	Anh	20/09/2007					8.0	7.0	5.0	5.0	7.0		6.7
2	2256201162875	Cao Nhật	Duy	09/06/2007					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
3	2256201162876	Nguyễn Tuấn	Đạt	15/08/2007					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
4	2256201162878	Phan Thị Ngọc	Hân	29/06/2007					7.0	8.0	7.0	7.0	7.3		7.3
5	2256201162879	Nguyễn Trường	Hảo	25/07/2007					8.0	10.0	8.0	10.0	7.5		8.1
6	2256201162880	Nguyễn Tấn	Hoàng	05/06/2005					8.0	10.0	9.0	10.0	5.0		6.7
7	2256201162884	Nguyễn Ngọc Tuyết	Ngân	27/07/2007					5.0	8.0	7.0	5.0	7.0		6.7
8	2256201162886	Hà Kim	Ngọc	26/10/2007					8.0	7.0	7.0	8.0	6.5		6.9
9	2256201162887	Nguyễn Thụy Bảo	Ngọc	08/04/2007					8.0	7.0	7.0	8.0	0.0		3.0
10	2256201162889	Phan Yến	Nhi	02/10/2007					8.0	9.0	8.0	9.0	6.8		7.5
11	2256201162890	Lê Diễm	Phúc	18/06/2007					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
12	2256201162891	Lê Hoàng Long	Phúc	15/03/2007					8.0	10.0	8.0	10.0	6.5		7.5
13	2256201162892	Phạm Anh	Thư	09/06/2005					8.0	9.0	8.0	10.0	8.5		8.6
14	2256201162893	Thái Văn	Tính	08/04/2007					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
15	2256201162894	Đỗ Phước	Toàn	23/10/2007					6.0	7.0	7.0	7.0	8.3		7.7
16	2256201162897	Trương Ngô Tường	Vy	09/10/2007					5.0	6.0	7.0	5.0	7.5		6.8
17	2256201162899	Châu Thuận	Ý	12/10/2007					8.0	10.0	8.0	10.0	7.5		8.1
18	2256201162900	Huỳnh Bảo	Trần	12/11/2005					7.0	7.0	7.0	7.0	0.0		2.8

Châu Đốc, ngày 22 tháng 2 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thanh Tùng